

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2006/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 9 năm 2006.

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh, bổ sung mức thu một số loại phí, học phí trên địa bàn tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ luật tổ chức HĐND, UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí, Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 44/2000/TTLT/BTC-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 23/5/2000 của liên Bộ Tài chính - Giáo dục Đào tạo và Lao động Thương binh Xã hội về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các đơn vị ngoài công lập hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết của HĐND khoá XV kỳ họp thứ 8, số 28/2006/NQ-HĐND và số 30/2006/NQ-HĐND ngày 24/8/2006 về việc điều chỉnh, bổ sung mức thu một số phí, học phí trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của liên sở Tài chính - Giáo dục Đào tạo tại Tờ trình số 852/LNGD&ĐT-TC ngày 01/8/2006, của Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 728/TT-SGT ngày 26/6/2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung mức thu một số phí, học phí trên địa bàn tỉnh ban hành tại Điều 1, Quyết định số 171 QĐ/UB-TM1 ngày 04/02/2004 của UBND tỉnh như sau:

1. Miễn phí qua cầu Hộ Độ đối với xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh và tương đương, kể từ ngày 01/10/2006.

2. Mức thu học phí:

2.1. Học phí học sinh bán công, dân lập và học nghề phổ thông:
(Học phí bán công và dân lập tính 9 tháng cho một năm học)

TT	Đối tượng	Mức thu (Đồng)	Ghi chú
1	THPT hệ Bán công	80.000	Tính 01 tháng/học sinh
2	THPT hệ Dân lập	100.000	Tính 01 tháng/học sinh
3	Học nghề phổ thông: - Đối với THCS - Đối với THPT	60.000 100.000	Tính cho cả khoá học Tính cho cả khoá học

2.2. Học phí học nghề dài hạn:

(Đơn vị tính đồng/tháng/học sinh)

TT	Đối tượng học nghề	Mức thu
1	Cơ khí	100.000
2	Điện, điện lạnh, điện tử, cắt may	90.000
3	Tin học	80.000
4	Thú y, trồng trọt, chăn nuôi	50.000

2.3. Học phí Mầm non ngoài công lập:

(Đơn vị tính đồng/tháng/học sinh)

T	Đối tượng	Các xã vùng núi cao	Phường, thị trấn	Các xã còn lại
1	Mầm non bán trú	30.000	60.000	45.000
2	Mầm non không bán trú	20.000	45.000	30.000

2.3. Thời gian thực hiện: Kể từ năm học 2006-2007.

Các nội dung khác theo quy định tại Quyết định số 171 QĐ/UB-TM1 ngày 04/02/2004 của UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành;
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục - Đào tạo, Giao thông Vận tải; Cục trưởng Cục thuế; Thủ trưởng các cơ quan UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết

(Báo cáo);
UBND tỉnh;
HDND tỉnh;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Kỳ